

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2026/DS-PT**

Ngày 15. 01. 2026

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thái Lan.

Các Thẩm phán: Ông Trần Duy Phương và bà Lưu Thị Thu Hường.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Anh – Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu A – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 323 /2025/TLPT-DS, ngày 06/10/2025 về việc “ *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do có kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị L. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 444/2025/QĐ-PT ngày 02/12/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị T, sinh năm 1968 và ông Phan Văn Đ, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. (Nay là: Thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk). Có mặt.

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. (Nay là: Thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk)

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Hồng N, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số A đường N, buôn E, xã E, TP ., tỉnh Đắk Lắk (Nay là: Số A đường N, buôn E, xã E, tỉnh Đắk Lắk). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Trương Thị T, ông Phạm Văn Đ1 trình bày:

Do có quen biết nên bà T ông Đ1 có cho bà Hoàng Thị L vay tổng số tiền

350.000.000 đồng, gồm các đợt sau:

+ Ngày 24/12/2022 vợ chồng tôi cho bà Hoàng Thị L vay 100.000.000 đồng. Hai bên có viết giấy tay, thời hạn mượn 12 tháng từ ngày 24/12/2022 đến ngày 24/12/2023. Tuy không ghi lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận với nhau lãi suất 14%/năm.

+ Ngày 19/5/2024 vợ chồng tôi cho bà Hoàng Thị L vay 50.000.000 đồng. Hai bên có viết giấy tay, thời hạn mượn là 6 tháng kể từ ngày 19/5/2024 đến ngày 19/11/2024 bà L có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng tôi.

+ Ngày 27/12/2024 vợ chồng tôi cho bà Hoàng Thị L vay hai lần, tổng cộng là 200.000.000 đồng (Lần thứ nhất 150.000.000 đồng và lần thứ hai 50.000.000 đồng), hai bên có viết giấy tay thời hạn mượn là 3 tháng, nhưng đến hạn bà L không trả. Vợ chồng tôi đã nhiều lần yêu cầu bà L trả nợ, nhưng bà L không trả.

Bà L cung cấp cho Tòa án 29 chứng từ giao dịch chuyển khoản từ ngày 01/3/2022 đến ngày 07/8/2024 với tổng số tiền 85.600.000 đồng, bà L cho rằng chuyển trả cho khoản vay 100.000.000 đồng vào ngày 24/12/2022 là không đúng, số tiền 85.600.000 đồng bà L chuyển là để trả nợ gốc đối với khoản vay 50.000.000 đồng mà tôi đã chuyển khoản cho bà L vào ngày 28/12/2022 và tiền lãi đối với khoản vay 100.000.000 đồng vào ngày 24/12/2022, không liên quan đến số tiền 350.000.000 đồng tôi khởi kiện.

Ngày 28/12/2022 tôi đã chuyển khoản cho bà L vay 50.000.000 đồng và bà L chuyển trả cho tôi dần trong 29 chứng từ giao dịch chuyển khoản từ ngày 01/3/2023 đến ngày 07/8/2024 với tổng số tiền chuyển khoản cho tôi là 85.600.000 đồng. Nay bà T ông Đ1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hoàng Thị L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền gốc 350.000.000 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bà L trả tiền gốc 350.000.000 đồng và lãi suất.

- Bị đơn bà Hoàng Thị L và đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hồng N trình bày:

+ Ngày 24/12/2022 bà L có vay của vợ chồng bà Trương Thị T số tiền 100.000.000 đồng. Hai bên có viết giấy tay, thời hạn mượn là 12 tháng từ ngày 24/12/2022 đến ngày 24/12/2023 trả.

+ Ngày 19/5/2024 bà L có vay của vợ chồng bà T số tiền 50.000.000 đồng. Hai bên có viết giấy tay và thời hạn trả từ ngày 19/5/2024 đến ngày 19/11/2024.

Năm 2023 bà L có vay của bà T số tiền 30.000.000 đồng nhưng không viết giấy vay.

+ Ngày 27/12/2024 bà T đề nghị chốt số tiền 100.000.000 đồng ngày 24/12/2022 và 30.000.000 đồng vay năm 2023 thành 130.000.000 đồng và tính tiền lãi 20.000.000 đồng, nên viết giấy bà L vay 150.000.000 đồng, thời hạn vay 3 tháng.

Bà L cung cấp cho Tòa án 29 chứng từ giao dịch chuyển tiền từ ngày 01/3/2023

đến ngày 07/8/2024 với tổng số tiền chuyển cho bà T là 85.600.000 đồng. Đây là tiền bà L trả tiền gốc cho bà T đối với khoản vay 100.000.000 đồng vào ngày 24/12/2022. Bà T cho rằng số chứng từ bà L chuyển khoản trên để trả số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng vào ngày 28/12/2022 và tiền lãi đối với khoản vay 100.000.000 đồng, không liên quan đến số tiền 350.000.000 đồng bà T1 khởi kiện thì bị đơn không đồng ý.

Nay nguyên đơn khởi kiện thì bị đơn không đồng ý, cho rằng số tiền bà L chuyển trả 85.600.000 đồng là tiền trả nợ gốc đối với khoản vay 100.000.000 vào ngày 24/12/2022 và 30.000.000 đồng vào năm 2023. Bà L chỉ vay của bà T ông Đ1 số tiền 180.000.000 đồng và đề nghị khấu trừ số tiền 85.600.000 đồng đã trả. Bị đơn chỉ còn nợ 94.400.000 đồng.

Tại Bản án sơ thẩm số 15/2025/DS-ST ngày: 25 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đắk Lắk) đã quyết định:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị T và ông Phạm Văn Đ1. Buộc bà Hoàng Thị L có nghĩa vụ trả cho bà T, ông Đ1 số tiền 350.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án nêu căn cứ pháp luật, tuyên án phí, cho phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/7/2025 bà Hoàng Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm trên.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Bị đơn bà Hoàng Thị L giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo, chỉ chấp nhận trả cho nguyên đơn số tiền 94.400.000 đồng.

Nguyên đơn bà Trương Thị T và ông Phan Văn Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quá trình tranh luận các đương sự giữ nguyên quan điểm, ý kiến của mình không trình bày gì thêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký và đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Sửa Bản án sơ thẩm số 15/2025/DS-ST ngày: 25 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đắk Lắk). Buộc bị đơn bà Hoàng Thị L phải trả cho nguyên đơn số tiền 314.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các

tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được giải quyết và xét xử theo trình tự phúc thẩm, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Căn cứ các tài liệu hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn bà T, ông Đ có cho bà L vay tiền theo các giấy sau:

+ Ngày 24/12/2022 bà T ông Đ cho bà L vay 100.000.000 đồng. Hai bên có viết giấy tay, thời hạn 12 tháng từ ngày 24/12/2022 đến ngày 24/12/2023.

+ Ngày 19/5/2024 bà T ông Đ cho bà L vay 50.000.000 đồng. Hai bên có viết giấy tay, thời hạn mượn là 6 tháng kể từ ngày 19/5/2024 đến ngày 19/11/2024.

+ Ngày 27/12/2024 bà T ông Đ cho bà Hoàng Thị L vay hai lần, tổng cộng là 200.000.000 đồng (Lần thứ nhất 150.000.000 đồng và lần thứ hai 50.000.000 đồng), hai bên có viết giấy tay thời hạn mượn là 3 tháng.

Bị đơn bà L thừa nhận chữ ký trong các giấy vay tiền trên, nhưng cho rằng ngày 27/12/2024 bà T đề nghị chốt sổ số tiền 100.000.000 đồng ngày 24/12/2022 và 30.000.000 đồng vay năm 2023 thành 130.000.000 đồng và tính tiền lãi 20.000.000 đồng, nên viết giấy bà L vay 150.000.000 đồng. Bà L cho rằng thực tế chỉ vay của bà T ông Đ số tiền 180.000.000 đồng. Bà L đã chuyển khoản trả nhiều lần với tổng số tiền 85.600.000 đồng, hiện nay chỉ còn nợ vợ chồng bà T 94.400.000 đồng, tuy nhiên bà không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Do đó, có đủ cơ sở xác định bị đơn bà L có vay của nguyên đơn nhiều lần với tổng số tiền 350.000.000 đồng.

[2.2] Tại cấp phúc thẩm qua làm việc đối chất: Bị đơn bà Hoàng Thị L trình bày các khoản vay mà nguyên đơn đang khởi kiện bị đơn thì chỉ cho mượn chứ không tính lãi suất. Vào ngày 28/12/2022 nguyên đơn có chuyển khoản cho bị đơn mượn số tiền 50.000.000 đồng và khoản nợ này bị đơn đã trả tiền mặt cho bà T 30.000.000 đồng nhưng không lập giấy tờ gì và 20.000.000 đồng chuyển khoản trong tổng số 29 chứng từ chuyển khoản cho nguyên đơn mà bà L đã cung cấp cho Tòa án. Nguyên đơn bà Trương Thị T, ông Phan Văn Đ cho rằng các khoản tiền nguyên đơn cho bị đơn vay, hai bên thỏa thuận miệng với mức lãi suất 1,14%/tháng. Số tiền 50.000.000 đồng mà bà T đã chuyển khoản cho bà L vay vào ngày 28/12/2022 đến nay bà L đã trả xong nên bà T không khởi kiện số tiền này, cụ thể bà L đã trả trong số tiền 85.600.000 đồng mà bà L đã chuyển khoản qua 29 chứng từ, còn lại số tiền 35.600.000 đồng là tiền lãi của 02 khoản vay 100.000.000 đồng ngày 24/12/2022 và khoản vay 50.000.000 đồng ngày 19/5/2024 và một số lần bà L nhờ bà đổi tiền nên chuyển khoản cho bà, tổng cộng khoảng 5.000.000 đồng.

Xét thấy, bị đơn 29 lần chuyển khoản trả cho nguyên đơn tổng số tiền

85.600.000 đồng, khi chuyển tiền không ghi nội dung chuyển. Đối với khoản tiền bị đơn vay 50.000.000 đồng ngày 28/12/2022 nguyên đơn không khởi kiện và bị đơn thừa nhận trong số tiền 85.600.000 đồng bị đơn đã chuyển khoản cho nguyên đơn có 20.000.000 đồng trả cho khoản vay ngày 28/12/2022, còn 30.000.000 đồng bị đơn trả tiền mặt cho nguyên đơn không giấy tờ, do đó có căn cứ xác định bị đơn trả 20.000.000 đồng cho khoản tiền vay ngày 28/12/2022 như trình bày của nguyên đơn nên cần khấu trừ trong tổng số tiền 85.600.000 đồng bị đơn chuyển trả cho nguyên đơn và số tiền vay 30.000.000 đồng còn lại nguyên đơn có thể khởi kiện bị đơn trong vụ án khác.

Việc nguyên đơn cho rằng cho bị đơn vay tiền có lãi suất tuy nhiên không có tài liệu chứng cứ chứng minh trong khi bị đơn không thừa nhận vì vậy sau khi khấu trừ 85.600.000 đồng – 20.000.000 đồng còn lại 65.600.000 đồng cần khấu trừ vào các khoản vay gốc của bị đơn: 350.000.000 đồng - 65.600.000 đồng = 284.400.000 đồng.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm, buộc bị đơn bà L phải trả cho nguyên đơn ông T, bà Đ số tiền 284.400.000 đồng.

[3]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Hoàng Thị L phải chịu 5% trên số tiền có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn bà Trương Thị T, ông Phạm Văn Đ1 phải chịu 5% trên số tiền không được chấp nhận.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị L; Sửa Bản án sơ thẩm số 15/2025/DS-ST ngày: 25 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đăk Lăk).

[2]. Căn cứ các Điều 117, 118, 119, 463 và 466 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị T và ông Phạm Văn Đ1.

Buộc bị đơn bà Hoàng Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị T và ông Phạm Văn Đ1 số tiền 284.400.000 đồng (*Hai trăm tám mươi bốn ngàn, bốn trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án(đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Hoàng Thị L phải chịu số tiền 14.220.000 đồng (*Mười bốn triệu, hai trăm hai mươi ngàn đồng*).

Nguyên đơn bà Trương Thị T, ông Phạm Văn Đ1 phải chịu số tiền 3.280.000 đồng (*Ba triệu, hai trăm tám mươi ngàn đồng*), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 8.750.000 đồng (*Tám triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0014637 ngày 16/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Thi hành án dân sự Khu vực 2 – Đắk Lắk). Hoàn trả lại cho bà T, ông Đ1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 5.470.000 đồng (*Năm triệu, bốn trăm bảy mươi ngàn đồng*).

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Hoàng Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được nhận lại số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006289 ngày 10/7/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Thi hành án dân sự Khu vực 2 – Đắk Lắk).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 2;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ VA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thái Lan

